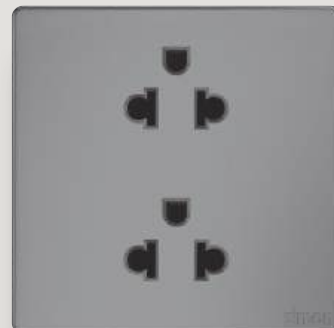


Simon K9 K1 K1V K3 V8



SWITCHES & SOCKETS

Catalogue Retail Vietnam 2025

simon
Since 1916 From Spain

SIMON: TỪ NĂM 1916 TẠI BARCELONA



Tại Olot - 1920



Ông Arthur Simon và gia đình - 1990



Nhà máy ở Calle Pare Roca, Olot - 1925



Nhà máy đồ sứ tại Sant Andreu, Barcelona - 1943



Gian hàng của IEP tại Feria de Madrid - 1949

1916

Ông Arturo Simon khởi nghiệp công ty ở Olot

1925

Ông Arturo Simon mở rộng hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện

1942

Nhà máy sản xuất đồ sứ được mở

1957

Simon mua lại PME

1966

Simon mua lại IEP

1993

Ra mắt hệ thống điều khiển thông minh đầu tiên

1998

Simon bắt đầu quốc tế hóa

1999

Gia nhập thị trường Trung Quốc



1916

Bayonet
bulb mount



1920-1930

851 "Extra"
rotary switch



1956

Simon 24



1962

Simon 25



1973

Simon 36



1992

Simon 75



2013

Simon i7



Nhà máy Olot - 1975



Nhà máy Hayan, Trung Quốc - 1999



Sense - 2015



Simon Vox - 1998



Sân Vận Động Bắc Kinh, TQ - 2008



Nhà máy Simon Việt Nam - 2022

2006

Simon gia nhập thị trường Ấn Độ

2008

Simon được lựa chọn là nhà phân phối chính thức của Olympic tại Bắc Kinh

2015

Hệ thống cảm ứng mới ra đời

Hệ thống cảm ứng được đánh giá cao và nhận được một số giải thưởng quốc tế bởi nó kết hợp được 3 yếu tố vật lý, con người và môi trường một cách hài hòa

Những giải thưởng quốc tế

Trong đó bộ đèn The Slim and Cool trong bộ sưu tập Fluvia đạt 5 giải thưởng quốc tế:

- iF Awards for Fluvia Slim luminaires
- Red Dot Awards for the Slim and Cool Fluvia luminaires
- Delta Awards in the selection category for Slim and Cool
- Delta Awards for Detail 82
- iF Gold Awards for Sense

2016

Simon toàn cầu kỉ niệm 100 năm

2020

Simon chính thức có trụ sở và xây dựng nhà máy tại Việt Nam.



2016
Simon E6



2020
Simon i6



2021
Simon K1



2021
Simon K3



2022
Simon S6

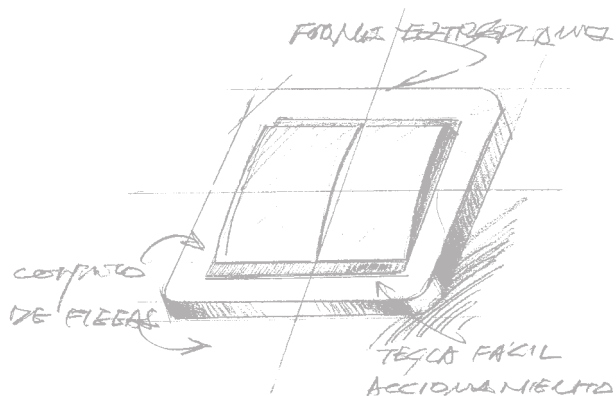


2025
Simon K9



Thiết kế là cầu nối giữa

& THẨM MỸ
TIỆN ÍCH



SIMON DESIGNING AWARDS



X Awards 2014 Simon 82 Detail



reddot award 2017
winner

Red Dot 2017 Simon 100



IF Gold Award 2018 Fluvia Loop



IF Design Award 2019 Simon 50E



reddot design award
winner 2019



IF Design Award 2021



reddot winner 2021



IF Design Award 2022



reddot winner 2022

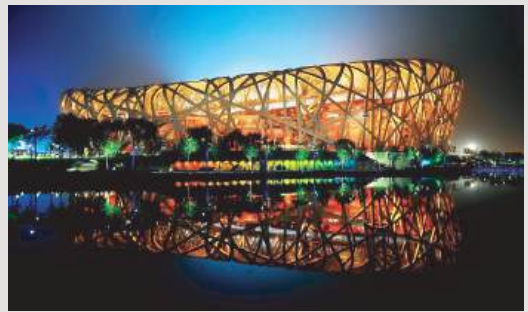
DỰ ÁN SIMON



Marriott Auditorium Hotel, Madrid, Spain



HQ Mansion of DKV, Spain



National Stadium, Beijing, China



Torre Agbar, Barcelona, Spain



Grand Hyatt Bali, Indonesia



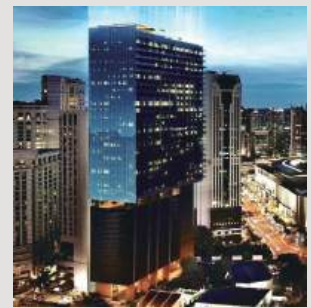
Kremlin, Moscow, Russia



MAL-Royal Chulan Hotel, Kuala Lumpur, Malaysia



Le Eminence Hotel, Puncak, Indonesia



MAL-Dorsett Residence, Malaysia



FLC, Sầm Sơn, Thanh Hóa, VN



Vinhomes Grand Park
Phân khu The Origami, Việt Nam



Flamingo Đại Lải, Việt Nam



JW Marriott - Grand Marina Saigon,
Việt Nam

CÔNG TẮC Ổ CẮM



Series **K1** .14



Series **K3** .20



Series **K9** .10



Series **K1V** .19



Series **V8** .24

THIẾT BỊ KHÁC



Tủ aptomat .30



Aptomat .31



Đế âm .32



Hộp chống thấm .32



Ổ cắm âm sàn .32



Quạt thông gió .34

* Ghi chú:

- Vui lòng liên hệ với Simon Việt Nam để biết thêm chi tiết về mã & màu sản phẩm.
- Tiêu chuẩn IEC.

Remarks:

Please feel free to contact Simon Vietnam (local sales representatives) for product details.
IEC Standard.

Simon|K9



KIỆT TÁC GIAO HƯỞNG
CHẠM NÉT TINH TẾ

MÀU SẮC

Colours



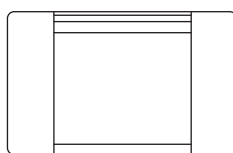
Màu Trắng
White



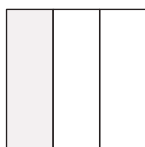
Màu Xám
Grey

MODULE LẮP GHÉP

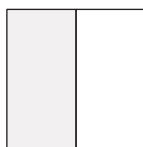
Dimension



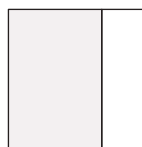
Khung



Size S
C8 1/3



Size M
C8 1/2



Size L
C8 2/3



Size XL
C8 1

SERIES K9 - FULL SET



BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 1 CHIỀU SIZE XL
1 Gang XL 1 Way Switch

591011 ☐ **102.000**
591011 ☒ -52 **129.000**



BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE XL
1 Gang XL 2 Way Switch

591012 ☐ **122.000**
591012 ☒ -52 **149.000**



BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 1 CHIỀU SIZE M
2 Gang M 1 Way Switch

591021 ☐ **149.000**
591021 ☒ -52 **183.000**



BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU SIZE M
2 Gang M 2 Way Switch

591022 ☐ **188.000**
591022 ☒ -52 **222.000**



BỘ CÔNG TẮC BA 1 CHIỀU SIZE S
3 Gang S 1 Way Switch

591031 ☐ **175.000**
591031 ☒ -52 **215.000**



BỘ CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU SIZE S
3 Gang S 2 Way Switch

591032 ☐ **234.000**
591032 ☒ -52 **274.000**



BỘ CÔNG TẮC 20A CÓ ĐÈN
+ 2 CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE S
20A Switch With Indicator & Two Gang S 1 Way Switch

592023 ☐ **381.000**
592023 ☒ -52 **420.000**



BỘ 2 CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE S + HẠT ĐÈN
Two Gang S 2 Way Switch & Indicator Module

591033 ☐ **278.000**
591033 ☒ -52 **318.000**



BỘ 2 Ổ ĐƠN 2 CHẤU
+ CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE S
Two 2 Pin Sockets & 1 Way Switch (S)

594101 ☐ **206.000**
594101 ☒ -52 **245.000**



BỘ 2 Ổ ĐƠN 2 CHẤU
+ CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE S
Two 2 Pin Sockets & 2 Way Switch (S)

594102 ☐ **226.000**
594102 ☒ -52 **265.000**



BỘ Ổ ĐƠN 2 CHẤU
+ 2 CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE S
2 Pin Sockets & Two 2 Way Switches (S)

594100 ☐ **230.000**
594100 ☒ -52 **270.000**



BỘ BA Ổ CẮM 2 CHẤU
Three 2 Pin Sockets

594103 ☐ **221.000**
594103 ☒ -52 **261.000**



BỘ Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU THƯỜNG
Twin EU-US With Earth Socket

594201 ☐ **221.000**
594201 ☒ -52 **248.000**



BỘ Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU ĐA NĂNG
Twin EU-US Socket - Outlet

594202 ☐ **270.000**
594202 ☒ -52 **296.000**



BỘ Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE L
+ CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE S
Multi - Standard Socket (L) & 1 Way Socket

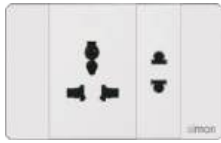
594081 ☐ **180.000**
594081 ☒ -52 **215.000**



BỘ Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE L
+ CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE S
Multi - Standard Socket (L) & 2 Way Socket (S)

594082 ☐ **200.000**
594082 ☒ -52 **234.000**

SERIES K9 - FULL SET



BỘ 2 Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG
+ Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU
Multi - Standard Socket (L) & 2 Pin Socket

594080	☐	196.000
594080	☒ -52	230.000



BỘ Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU + Ổ CẮM TV
+ MẠNG CAT6
2 Pin Socket & TV Outlet & Data Outlet CAT6

595302	☐	530.000
595302	☒ -52	570.000



BỘ Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU+CHIẾT ÁP QUẠT
Fan Regulator Switch & 2 Pin Socket

59E201	☐	613.000
59E201	☒ -52	647.000



BỘ CÔNG TẮC CHUÔNG CỬA
Doorbell Switch

591301	☐	130.000
591301	☒ -52	156.000

SERIES K9 - MODULE



THIẾT KẾ ĐA DẠNG - TRẢI NGHIỆM ĐA CHIỀU



KHUNG VIỀN K9
Frame K9

K9003N	☐	36.000
K9003N	☒ -52	53.000



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE XL
1 Way Switch Module (XL)

K9103XL	☐	66.000
K9103XL	☒ -52	76.000



HẠT CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE XL
2 Way Switch Module (XL)

K9203XL	☐	86.000
K9203XL	☒ -52	96.000



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE M
1 Way Switch Module (M)

K9103M	☐	56.000
K9103M	☒ -52	65.000

SERIES K9 - MODULE



HẠT CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE M
2 Way Switch Module (M)

K9203M	☐	76.000
K9203M	☒	85.000



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE S
1 Way Switch Module (S)

K9103S	☐	46.000
K9103S	☒	54.000



HẠT CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE S
2 Way Switch Module (S)

K9203S	☐	66.000
K9203S	☒	74.000



HẠT CÔNG TẮC 20A CÓ LED SIZE S
20A Double Pole Switch Module (S)

K9104S	☐	252.000
K9104S	☒	260.000



NÚT CHE TRƠN SIZE S
Blank Plate (S)

K9500S	☐	20.000
K9500S	☒	28.000



CÔNG TẮC CHUÔNG CỬA SIZE XL
Doorbell Switch Module (XL)

K9505XL	☐	94.000
K9505XL	☒	103.000



Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU SIZE S
2 Pin Socket-Outlet Module (S)

K9412S	☐	62.000
K9412S	☒	69.000



Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU THƯỜNG SIZE XL
Twin EU- US With Earth Socket (XL)

K9424XL	☐	185.000
K9424XL	☒	195.000



Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE L
Multi-Standard Socket-Outlet Module (L)

K9413L	☐	98.000
K9413L	☒	108.000



Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE XL
Twin Multi-standard Socket Outlet Module (XL)

K9423XL	☐	233.000
K9423XL	☒	243.000



HẠT TV SIZE S
TV Outlet Module (S)

K9501S	☐	125.000
K9501S	☒	133.000



HẠT MẠNG CAT6 SIZE S
Data Outlet Cat6 Module (S)

K9506S	☐	307.000
K9506S	☒	315.000



HẠT ĐIỆN THOẠI SIZE S
Telephone Outlet Module (S)

K9502S	☐	128.000
K9502S	☒	135.000



HẠT ĐÈN SIZE S
LED Indicator Module (S)

K9503S	☐	110.000
K9503S	☒	118.000



HẠT CHIẾT ÁP ĐÈN SIZE L
Dimmer Module (L)

K9509L	☐	589.000
K9509L	☒	598.000



HẠT CHIẾT ÁP QUẠT SIZE L
Fan Regulator Module (L)

K9508L	☐	515.000
K9508L	☒	525.000

Simon | K1 - K1V



VỀ ĐẸP
Á ĐÔNG

MÀU SẮC

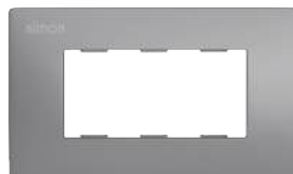
Colours



Màu Trắng
White



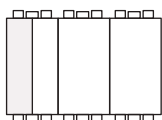
Màu Champagne
Champagne



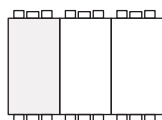
Màu Xám
Grey

MODULE LẮP GHÉP

Dimension



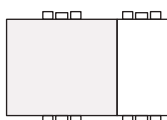
Size XS
Cỗ 1/6



Size S
Cỗ 1/3



Size M
Cỗ 1/2



Size L
Cỗ 2/3



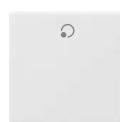
Size XL
Cỗ 1

CÔNG TẮC Switches



HẠT CÔNG TẮC KÉP 1 CHIỀU SIZE S 16A
Double switches 1 way (S)

K110S		91.000
K110S		103.000



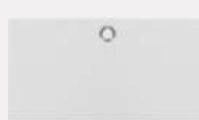
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN SIZE M 16A
1 Way Switch Module (M)

K111M		109.000
K111M		123.000



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
CÓ ĐÈN LED SIZE S 16A (Order)
1 Way Switch Module with LED (S)

K111S		83.000
K111S		95.000



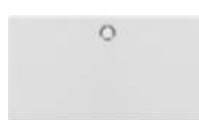
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
CÓ ĐÈN LED SIZE XL 16A (Order)
1 Way Switch Module with LED (XL)

K111XL		91.000
K111XL		111.000



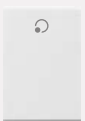
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
CÓ NÚT ĐÈN TRANG TRÍ SIZE S 16A
1 Way Switch Module (S)

K112S		33.000
K112S		43.000



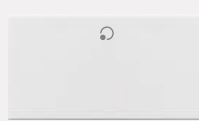
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
CÓ NÚT ĐÈN TRANG TRÍ SIZE XL 16A
1 Way Switch Module (XL)

K112XL		45.000
K112XL		61.000



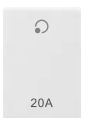
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN SIZE S 16A
1 Way Switch Module (S)

K113S		30.000
K113S		42.000



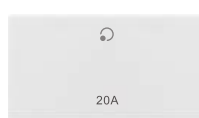
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN SIZE XL 16A
1 Way Switch Module (XL)

K113XL		42.000
K113XL		59.000



HẠT CÔNG TẮC 20A
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN VÀ CHỮ SIZE S 20A
20A Double Pole Switch Module (S)

K114S		189.000
K114S		201.000



HẠT CÔNG TẮC 20A
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN VÀ CHỮ SIZE XL 20A
20A Double Pole Switch Module (XL)

K114XL		200.000
K114XL		220.000



HẠT CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE S 16A
2 Way Switch Module (S)

K120S		55.000
K120S		67.000



HẠT CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE XL 16A
2 Way Switch Module (XL)

K120XL		65.000
K120XL		85.000



NÚT CHE TRƠN SIZE S
Blank Plate (S)

K150S		17.000
K150S		29.000



NÚT CHE TRƠN SIZE XS
Blank Plate (XS)

K150XS		18.000
K150XS		30.000



HẠT CÔNG TẮC TRUNG GIAN SIZE M 16A
Intermediate Switch Module (M)

K131M		163.000
K131M		177.000

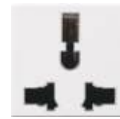
Ổ CẮM

Socket-outlets



Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU SIZE S 16A
2 Pin Socket-Outlet Module (S)

K1412S	☐	50.000
K1412S	☒ -46 ☐ -61	62.000



Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE M 10A
Multi-Standard Socket-Outlet Module (M)

K1413M	☐	98.000
K1413M	☒ -46 ☐ -61	112.000



Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE XL 16A
Twin EU-US Socket-Outlet

K1423XL	☐	153.000
K1423XL	☒ -46 ☐ -61	173.000



Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU SIZE XL 16A
Twin EU-US Socket-Outlet

K1424XL	☐	143.000
K1424XL	☒ -46 ☐ -61	163.000

HẠT TIVI, MẠNG, THOẠI & ĐIỀU KHIỂN

TV, Data, Tel, Control and Regulator



HẠT ĐÈN SIZE S MÀU XANH 1W
LED Indicator - Green Color Module (S)

K1531S	☐	98.000
K1531S	☒ -46 ☐ -61	110.000



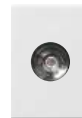
HẠT ĐÈN SIZE S MÀU ĐỎ 1W
LED Indicator - Red Color Module (S)

K1532S	☐	98.000
K1532S	☒ -46 ☐ -61	110.000



HẠT ĐIỆN THOẠI SIZE S
Telephone Outlet Module (S)

K154S	☐	112.000
K154S	☒ -46 ☐ -61	124.000



HẠT TIVI SIZE S
TV Outlet Module (S)

K1551S	☐	112.000
K1551S	☒ -46 ☐ -61	124.000



HẠT MẠNG CAT 6 SIZE S
Data Outlet Cat6 Module (S)

K1586S	☐	270.000
K1586S	☒ -46 ☐ -61	282.000



HẠT USB SIZE M 5V-2.4A
Twin USB Charger Module (M)

K157S	☐	901.000
K157S	☒ -46 ☐ -61	915.000



HẠT CHIẾT ÁP ĐÈN SIZE L 1.8A-400W
Dimmer Module (L)

K1591L	☐	402.000
K1591L	☒ -46 ☐ -61	419.000



HẠT CHIẾT ÁP QUẠT SIZE L 0.85A-200W
Fan Regulator Module (L)

K1592L	☐	439.000
K1592L	☒ -46 ☐ -61	457.000



**CÔNG TẮC THẺ TỪ 16A (ĐÈN SỢI ĐỐT),
10A (ĐÈN LED), 6A (ĐỘNG CƠ)**
Keycard Switch Module

K1601	☐	795.000
-------	--------------------------	---------

MÀU SẮC

Trắng

Champagne -46

Xám -61

MẶT VIÊN K1 Frames K1



MẶT 1 LỖ SIZE S LẮP NGANG

1 Gang Plate (S)

K1001N ☐ 28.000K1001N ☒ -46 ☐ -61 65.000

MẶT 2 LỖ SIZE S LẮP NGANG

2 Gangs Plate (S)

K1002N ☐ 28.000K1002N ☒ -46 ☐ -61 65.000

MẶT 3 LỖ SIZE S LẮP NGANG

3 Gangs Plate (S)

K1003N ☐ 28.000K1003N ☒ -46 ☐ -61 65.000

MẶT 6 LỖ SIZE S LẮP DỌC

6 Gangs Plate (S)

K1006D ☐ 48.000K1006D ☒ -46 ☐ -61 91.000

MẶT APTOMAT TẾP ĐƠN LẮP DỌC

Blank Plate For Single Circuit Breaker

K1061D ☐ 30.000K1061D ☒ -46 ☐ -61 67.000

MẶT APTOMAT TẾP ĐÔI LẮP DỌC

Blank Plate For Double Circuit Breaker

K1062D ☐ 30.000K1062D ☒ -46 ☐ -61 67.000

MẶT APTOMAT KHỎI LẮP DỌC

Blank Plate For MCCB

K1063D ☐ 31.000K1063D ☒ -46 ☐ -61 68.000

MẶT VIỀN K1V Frames K1V



MẶT 1 LỖ SIZE S LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN
1 Gang Plate (S)

K1901	☐	29.000
K1901	☒ -46 ☐ -61	66.000



MẶT 2 LỖ SIZE S LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN
2 Gangs Plate (S)

K1902	☐	29.000
K1902	☒ -46 ☐ -61	66.000



MẶT 3 LỖ SIZE S LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN
3 Gangs Plate (S)

K1903	☐	29.000
K1903	☒ -46 ☐ -61	66.000



MẶT 6 LỖ SIZE S LẮP DỌC CÓ GÂN VIỀN
6 Gangs Plate (S)

K1906	☐	52.000
K1906	☒ -46 ☐ -61	95.000



MẶT 1 LỖ SIZE M LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN
1 Gang Plate (M)

K1911N	☐	29.000
K1911N	☒ -46 ☐ -61	66.000



MẶT APATOMAT TẾP ĐƠN LẮP DỌC CÓ GÂN VIỀN
Blank Plate For Single Circuit Breaker

K1961	☐	32.000
K1961	☒ -46 ☐ -61	69.000



MẶT APATOMAT KHỎI LẮP DỌC CÓ GÂN VIỀN
Blank Plate For MCCB

K1963	☐	33.000
K1963	☒ -46 ☐ -61	70.000

Simon|K3



UYỂN CHUYỂN
TRONG TỪNG ĐƯỜNG NÉT

MÀU SẮC

Colours



Màu Trắng
White



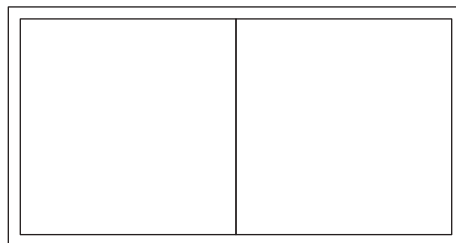
Màu Champagne
Champagne



Màu Xám
Grey

ĐA DẠNG KHUNG VIỀN

A Variety Of Border Frames



Khung đôi
2 Gang frame

CÔNG TẮC Switches



BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 1 CHIỀU 16A

1 Gang 1 Way Switch

571011  **98.000**

571011   **143.000**



BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU 16A

1 Gang 2 Way Switch

571012  **120.000**

571012   **165.000**



BỘ CÔNG TẮC 1 CHIỀU 20A

20A Double Pole Switch

572023  **406.000**

572023   **451.000**



BỘ CÔNG TẮC ĐƠN TRUNG GIAN

1 Gang Intermediate Switch

571026  **197.000**

571026   **242.000**



BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 1 CHIỀU 16A

2 Gang 1 Way Switch

571021  **149.000**

571021   **194.000**



BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU 16A

2 Gang 2 Way Switch

571022  **186.000**

571022   **231.000**



BỘ CÔNG TẮC BA 1 CHIỀU 16A

3 Gang 1 Way Switch

571031  **197.000**

571031   **242.000**



BỘ CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU 16A

3 Gang 2 Way Switch

571032  **241.000**

571032   **286.000**



BỘ CÔNG TẮC BỐN 1 CHIỀU 10A

4 Gang 1 Way Switch

571041  **252.000**

571041   **297.000**



BỘ CÔNG TẮC BỐN 2 CHIỀU 10A

4 Gang 2 Way Switch

571042  **317.000**

571042   **362.000**



BỘ CÔNG TẮC CHUÔNG CỬA

Doorbell Switch

576301  **127.000**

576301   **172.000**

Ổ CẮM

Socket-outlets



BỘ Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU 16A
Twin 2 Pole Socket

571072 ☐ 174.000
571072 ☒ -46 ☐ -61 219.000



BỘ Ổ CẮM 2 CHẤU + 3 CHẤU ĐA NĂNG + CÔNG TẮC (16A/10A)
2 Pin Socket & Multi-Standard Socket & Switch

571080 ☐ 230.000
571080 ☒ -46 ☐ -61 275.000



BỘ Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU 16A
Twin EU- US With Earth Socket

571287 ☐ 262.000
571287 ☒ -46 ☐ -61 307.000



BỘ Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A
Single EU- US With Earth Socket

571087 ☐ 211.000
571087 ☒ -46 ☐ -61 256.000

HẠT TIVI, MẠNG, THOẠI & ĐIỀU KHIỂN

TV, Data, Tel, Control and Regulator



BỘ Ổ CẮM TIVI ĐƠN
Tivi Outlet

575111 ☐ 169.000
575111 ☒ -46 ☐ -61 215.000



BỘ Ổ CẮM TIVI ĐƠN CHUẨN F
TV Outlet With F Connector

575114 ☐ 186.000
575114 ☒ -46 ☐ -61 231.000



BỘ Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI ĐƠN
Telephone Outlet

575214 ☐ 141.000
575214 ☒ -46 ☐ -61 186.000



BỘ Ổ CẮM MẠNG ĐƠN CAT6
Data Outlet Cat6

575218 ☐ 219.000
575218 ☒ -46 ☐ -61 264.000



BỘ Ổ CẮM MẠNG ĐÔI CAT6
Twin Data Outlet Cat6

575228 ☐ 248.000
575228 ☒ -46 ☐ -61 293.000



BỘ Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI + MẠNG CAT6
Telephone and Data Outlet Cat6

575229 ☐ 307.000
575229 ☒ -46 ☐ -61 352.000



BỘ Ổ CẮM TIVI + MẠNG CAT6
Tivi & Data Outlet (Cat6)

575302 ☐ 307.000
575302 ☒ -46 ☐ -61 352.000



BỘ CHIẾT ÁP ĐÈN 0.85A-200W
Dimmer Switch

57E101 ☐ 571.000
57E101 ☒ -46 ☐ -61 616.000



BỘ CHIẾT ÁP QUẠT 0.85A-200W
Fan Regulator Switch

57E201 ☐ 538.000
57E201 ☒ -46 ☐ -61 583.000



KHUNG VIÊN ĐÔI
2 Gang Frame (86mm x172mm)

570620 ☐ 43.000
570620 ☒ -46 ☐ -61 78.000

Simon|V8



SANG TRỌNG
TINH TẾ

MẶT HẠT NHIỀU MÀU SẮC

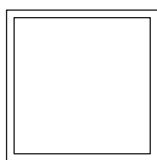
Colours



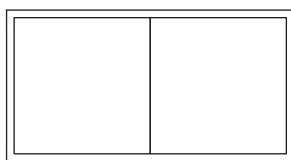
Màu Trắng/ Màu Xám/ Màu Champagne/ Màu Đá
White/ Grey/ Champagne/ Stone

ĐA DẠNG KHUNG VIỀN

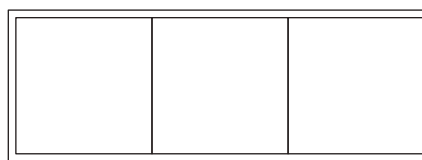
A Variety Of Border Frames



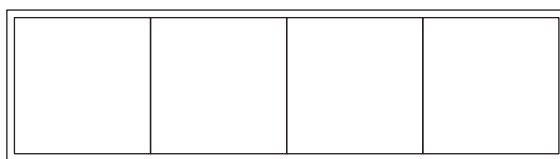
Khung đơn
1 Gang frame



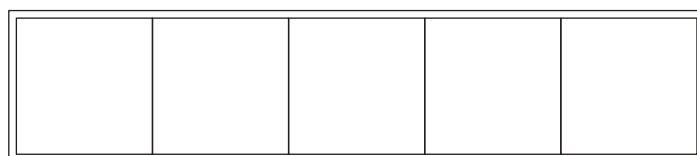
Khung đôi
2 Gang frame



Khung ba
3 Gang frame



Khung bốn
4 Gang frame



Khung năm
5 Gang frame

CÔNG TẮC Switches



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 16A 1 CHIỀU

1 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)

80101 ☐ 161.000
80101 ☒ -56 ☒ -26 203.000



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 16A 2 CHIỀU

1 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)

80201 ☐ 183.000
80201 ☒ -56 ☒ -26 225.000



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 20A 2 CỰC, 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ

20A 2 Pole 1 Way Switch with Red LED Module (20AX 250V)

80203 ☐ 562.000
80203 ☒ -56 ☒ -26 605.000



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 32A 2 CỰC, 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ

32A 2 Pole 1 Way Switch with Red LED Module (32AX 250V)

80323 ☐ 573.000
80323 ☒ -56 ☒ -26 616.000



MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 16A 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED

2 Gang 1 Way Switch Module with LED Indicator (16AX 250V)

80396 ☐ 349.000
80396 ☒ -56 ☒ -26 391.000



MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 16A 1 CHIỀU

2 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)

80398 ☐ 235.000
80398 ☒ -56 ☒ -26 278.000



MODULE CÔNG TẮC BA 16A 1 CHIỀU

3 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)

80371 ☐ 292.000
80371 ☒ -56 ☒ -26 334.000



MODULE NÚT CHE TRƠN

Blank Plate Module

80800 ☐ 127.000
80800 ☒ -56 ☒ -26 169.000



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 16A 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED

1 Gang 1 Way Switch Module with LED Indicator (16AX 250V)

80104 ☐ 237.000
80104 ☒ -56 ☒ -26 279.000



MODULE CÔNG TẮC TRUNG GIAN

1 Gang Intermediate Switch Module (16AX 250V)

80397H ☐ 282.000
80397H ☒ -56 ☒ -26 324.000



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 20A 2 CỰC, 2 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ

20A 2 Pole 2 Way Switch with Red LED Module (20AX 250V)

80204 ☐ 580.000
80204 ☒ -56 ☒ -26 622.000



MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 32A 2 CỰC, 2 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ

32A 2 Pole 2 Way Switch with Red LED Module (32AX 250V)

80324 ☐ 594.000
80324 ☒ -56 ☒ -26 637.000



MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 16A 2 CHIỀU

2 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)

80397 ☐ 249.000
80397 ☒ -56 ☒ -26 291.000



MODULE CÔNG TẮC BA 16A 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED

3 Gang 1 Way Switch Module with LED (16AX 250V)

80370 ☐ 475.000
80370 ☒ -56 ☒ -26 518.000



MODULE CÔNG TẮC BA 16A 2 CHIỀU

3 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)

80372 ☐ 325.000
80372 ☒ -56 ☒ -26 367.000



MODULE NÚT NHẤN CHUÔNG CỬA

Doorbell Switch Module (16A 250V)

80150 ☐ 165.000
80150 ☒ -56 ☒ -26 208.000

CÔNG TẮC Switches



MODULE NÚT NHẤN ĐƠN

1 Gang Push-Button Switch Module (16A 250V)

80101F ☐ 177.000

80101F ☒ -56 ☒ -26 220.000



MODULE NÚT NHẤN ĐƠN CÓ ĐÈN LED

1 Gang Push-Button With LED Indicator Module (16A 250V)

80104F ☐ 245.000

80104F ☒ -56 ☒ -26 288.000



MODULE NÚT NHẤN ĐÔI

2 Gang Push-Button Switch Module (16A 250V)

80398F ☐ 222.000

80398F ☒ -56 ☒ -26 265.000



MODULE NÚT NHẤN ĐÔI CÓ ĐÈN LED

2 Gang Push-Button Switch Module with LED (16A 250V)

80396F ☐ 340.000

80396F ☒ -56 ☒ -26 383.000



MODULE NÚT NHẤN BA

3 Gang Push-Button Switch Module (16A 250V)

80371F ☐ 305.000

80371F ☒ -56 ☒ -26 347.000



MODULE NÚT NHẤN BA CÓ ĐÈN LED

3 Gang Push-Button Switch Module with LED (16A 250V)

80370F ☐ 472.000

80370F ☒ -56 ☒ -26 515.000

Ổ CẮM Socket-outlets



MODULE Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG

Multi-standard Socket Module (13A 250V)

80430 ☐ 221.000

80430 ☒ -56 ☒ -26 264.000



MODULE Ổ CẮM ĐA NĂNG + 2 CỔNG USB

Multi-standard Socket Module with Double USB Chargers (13A 250V)

80E725 ☐ 1.723.000

80E725 ☒ -56 ☒ -26 1.765.000



MODULE Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU

Twin 2 Pin Socket Module (10A 250V)

80456 ☐ 229.000

80456 ☒ -56 ☒ -26 272.000



MODULE Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A

Single EU-US Socket with Earth Socket Module (16A 250V)

80487 ☐ 231.000

80487 ☒ -56 ☒ -26 274.000



MODULE Ổ CẮM SCHUKO

Schuko Socket Module (16A 250V)

80687 ☐ 340.000

80687 ☒ -56 ☒ -26 383.000



MODULE Ổ CẮM ĐA TIÊU CHUẨN

VỚI BỘ SẠC USB A+C

Multi-standard Socket Module with USB A+C Chargers

80E7252 ☐ 1.791.000

80E7252 ☒ -56 ☒ -26 1.834.000

HẠT TIVI, MẠNG, THOẠI & ĐIỀU KHIỂN

TV, Data, Tel, Control and Regulator



MODULE Ổ CẮM TIVI ĐƠN

Tivi Outlet Module

80476 ☐ 213.00080476 ☒ -56 ☒ -26 256.000

MODULE Ổ CẮM TIVI ĐÔI

Twin Tivi Outlet Module

80478 ☐ 286.00080478 ☒ -56 ☒ -26 329.000

MODULE Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI ĐƠN (RJ11)

Telephone Outlet Module (RJ11)

80480 ☐ 210.00080480 ☒ -56 ☒ -26 253.000

MODULE Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI ĐÔI

Twin Telephone Outlet Module (RJ11)

80488 ☐ 276.00080488 ☒ -56 ☒ -26 306.000

MODULE Ổ CẮM TIVI & ĐIỆN THOẠI (RJ11)

Tivi and Telephone Outlet Module (RJ11)

80491 ☐ 276.00080491 ☒ -56 ☒ -26 319.000

MODULE Ổ CẮM TIVI & MẠNG (CAT6)

Tivi and Data (RJ45) Outlet Module (Cat6)

80492 ☐ 475.00080492 ☒ -56 ☒ -26 495.000

MODULE Ổ CẮM MẠNG (CAT6)

Data Outlet Module (Cat6)

80591 ☐ 347.00080591 ☒ -56 ☒ -26 373.000

MODULE Ổ CẮM MẠNG ĐÔI (CAT6)

Twin Data Outlet Module (Cat6)

80593 ☐ 479.00080593 ☒ -56 ☒ -26 498.000

MODULE Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI & MẠNG (CAT6)

Telephone (RJ11) & Data (RJ45) Outlet Module (Cat6)

80599 ☐ 444.00080599 ☒ -56 ☒ -26 467.000

MODULE CỔNG USB & HDMI

USB-HDMI Outlet Module

80494 ☐ 697.00080494 ☒ -56 ☒ -26 740.000

MODULE Ổ CẮM KẾT NỐI TAI NGHE 3.5+VGA

VGA-3.5 Earphone Outlet Module

80495 ☐ 664.00080495 ☒ -56 ☒ -26 675.000

MODULE Ổ CẮM KẾT NỐI ÂM THANH ĐƠN

Speaker Socket Module

80800Y1 ☐ 272.00080800Y1 ☒ -56 ☒ -26 314.000

MODULE Ổ CẮM KẾT NỐI ÂM THANH ĐÔI

Twin Speaker Socket Module

80800Y2 ☐ 410.00080800Y2 ☒ -56 ☒ -26 453.000

MODULE CHIẾT ÁP ĐÈN 0.85A-200W

Dimmer Switch Module

80313 ☐ 708.00080313 ☒ -56 ☒ -26 751.000

MODULE CHIẾT ÁP QUẠT

Fan regulator Switch Module

80317 ☐ 711.00080317 ☒ -56 ☒ -26 753.000

GIẢI PHÁP KHÁCH SẠN Hotel solutions



MODULE CHUÔNG CỬA CÓ ĐÈN BÁO
“KHÔNG LÀM PHẪN” & “DỌN PHÒNG”
 Doorbell Switch Module “Do Not Disturb” & “Make Up Room” Indicator

80805 ☐ **1.135.000**
 80805 ☒ -56 ☒ -26 **1.178.000**



MODULE CÔNG TẮC KHẨN CẤP
 Emergency Switch Module

80809 ☐ **299.000**
 80809 ☒ -56 ☒ -26 **328.000**



MODULE CÔNG TẮC THẺ
 Keycard Switch Module

80526 ☐ **1.062.000**
 80526 ☒ -56 ☒ -26 **1.104.000**



MODULE CÔNG TẮC CHUÔNG CỬA V8 ELV
(DC12V, 5 DÂY) (DND, MUR)
 V8 ELV doorbell switch Module(DC12V, 5-wire)(DND, MUR)

808051 ☐ **751.000**
 808051 ☒ -56 ☒ -26 **758.000**



MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU HIỂN THỊ
“KHÔNG LÀM PHẪN” & “DỌN PHÒNG”
 2 Gang 2 Way Switch Module “Do Not Disturb” & “Make Up Room”

D80397 ☐ **275.000**
 D80397 ☒ -56 ☒ -26 **318.000**



VIÊN MẶT KÍNH Nature Frame (Crystal)



Crystal



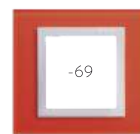
Water



Black



Stone



Orange

VIÊN ĐƠN / ĐƠN / ĐÔI

1 Frame size M: 86 x 86 mm / 1 Frame size L: 102 x 95 mm / 2 Frame: 90 x 178 mm

80611	-30	-31	-63	-64	-69	(M)	648.000
80610	-30	-31	-63	-64	-69	(L)	652.000
80620	-30	-31	-63	-64	-69	(76 Type)	1.123.000

VIÊN BA / BỐN / NĂM (76 Type)

(76 Type) 3 Frame: 90 x 254 mm / 4 Frame: 90 x 330 mm / 5 Frame: 90 x 406 mm

80630	-30	-31	-63	-64	-69	1.596.000
80640	-30	-31	-63	-64	-69	2.113.000
80650	-30	-31	-63	-64	-69	2.607.000

VIÊN MẶT KIM LOẠI Classic Frame (Metal)



Silver



Gold

VIÊN ĐÔI / BA / BỐN / NĂM (76 Type)

2 Frame: 86 x 162 / 3 Frame: 86 x 238 / 4 Frame: 90 x 314 / 5 Frame: 90 x 390 mm

80821	-42	573.000
80831	-42	816.000
80841	-42	1.034.000
80851	-42	1.236.000

VIÊN ĐÔI / BA / BỐN / NĂM (76 Type)

2 Frame: 86 x 162 / 3 Frame: 86 x 238 / 4 Frame: 90 x 314 / 5 Frame: 90 x 390 mm

80821	-48	606.000
80831	-48	860.000
80841	-48	1.090.000
80851	-48	1.316.000

VIÊN ĐƠN (86 Type)

(86 Type) 1 Frame: 86 x 86 mm

80811	-42	351.000
80811	-48	366.000

VIÊN ĐÔI (86 Type)

(86 Type) 2 Frame: 86 x 172 mm

80822	-42	870.000
80822	-48	870.000

VIÊN BA / BỐN / NĂM (86 Type)

(86 Type) 3 Frame: 86x258 mm / 3 Frame: 86x344 mm / 5 frame: 86x430 mm

80832	-42	1.222.000
80842	-42	1.694.000
80852	-42	2.069.000

VIÊN BA / BỐN / NĂM (86 Type)

(86 Type) 3 Frame: 86x258 mm / 3 Frame: 86x344 mm / 5 frame: 86x430 mm

80832	-48	1.222.000
80842	-48	1.694.000
80852	-48	2.069.000

VIÊN MẶT ĐÁ Stone Frame



Basaltic Black



Zaha Stone



Karakatagin

VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 95 x 102 mm / 2 Frame: 95 x 178 mm

80716	-2A	-2B	-2C	1.906.000
80726	-2A	-2B	-2C	2.888.000

VIÊN BA

3 Frame: 95 x 254 mm

80736	-2A	-2B	-2C	3.985.000
-------	-----	-----	-----	-----------

VIÊN MẶT NHỰA Basic Frame (Plastic)



White



Cream champagne



Graphite black

VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 90 x 86 mm / (76 Type) 2 Frame: 90 x 162 mm

80810		79.000
80820	(76 Type)	113.000

VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 90 x 86 mm / (76 Type) 2 Frame: 90 x 162 mm

80810		168.000
80820		254.000

VIÊN BA / BỐN / NĂM (76 Type)

(76 Type) 3 Frame: 90x238 mm / 4 Frame: 90x314 mm / 5 Frame: 90x390 mm

80830		142.000
80840		200.000
80850		235.000

VIÊN BA / BỐN / NĂM

(76 Type) 3 Frame: 90x238 mm / 4 Frame: 90x314 mm / 5 Frame: 90x390 mm

80830		375.000
80840		474.000
80850		559.000

VIÊN CÔNG TẮC THẺ Key Card Frame



Crystal



Water



Black



Stone



Orange



White



Silver



Gold

VIÊN CÔNG TẮC THẺ KÍNH

80612 Frame size L: 102 x 95 mm

80612		760.000
-------	--	---------

VIÊN CÔNG TẮC THẺ KÍNH

80613 Frame size M: 86 x 86 mm

80613		760.000
-------	--	---------

VIÊN CÔNG TẮC THẺ NHỰA

Frame: 86 x 86 mm

80813		174.000
-------	--	---------

VIÊN CÔNG TẮC THẺ NHỰA

Frame: 86 x 86 mm

80813		208.000
-------	--	---------

VIÊN CÔNG TẮC THẺ KIM LOẠI

Frame: 86 x 86 mm

80815		538.000
80815		596.000

THIẾT BỊ KHÁC

OTHERS

TỦ APTOMAT Distribution Box



SET65CS



SMX65CS

	MÃ SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ	SỐ CỤC	SỐ HÀNG	KÍCH THƯỚC (mm)	LỖ KHOÉT (mm)	CHẤT LIỆU
SET65CS	SET65CS-4AB	506.000	4	1	150 x 198 x 100	140 x 195 x 90	Mặt tủ nhựa PC chống cháy Thân tủ thép sơn tĩnh điện
	SET65CS-6AB	605.000	6	1	186 x 198 x 100	175 x 195 x 90	
	SET65CS-9AB	693.000	9	1	241 x 200 x 102	230 x 195 x 90	
SMX65CS	SMX65CS-4AB	506.000	4	1	150 x 198 x 100	140 x 195 x 90	
	SMX65CS-6AB	605.000	6	1	186 x 198 x 100	175 x 195 x 90	
	SMX65CS-9AB	693.000	9	1	241 x 200 x 102	230 x 195 x 90	
	SMX65CS-12AB	1.283.000	12	1	320 x 240 x 112	295 x 215 x 90	
	SMX65CS-15AB	1.485.000	15	1	370 x 260 x 112	355 x 245 x 90	
	SMX65CS-18AB	1.675.000	18	1	424 x 260 x 112	405 x 225 x 90	
	SMX65CS-21AB	1.889.000	21	1	477 x 260 x 112	460 x 225 x 90	
	SMX65CS-26AB	2.554.000	26	2	405 x 321 x 115	385 x 305 x 90	
	SMX65CS-32AB	2.970.000	32	2	405 x 375 x 115	385 x 360 x 90	
	SMX65CS-42AB	3.623.000	42	2	465 x 404 x 115	450 x 385 x 90	

APTOMAT - DÒNG CẮT 6000A MCB



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 1P+N
MCB 6000A 1P+N

SMB65C-40C10	263.000
SMB65C-40C16	263.000

SMB65C-40C20	263.000
SMB65C-40C25	263.000

SMB65C-40C32	263.000
SMB65C-40C40	301.000



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 1P
MCB 6000A 1P

SMB65C-63C10	139.000
SMB65C-63C16	139.000

SMB65C-63C20	139.000
SMB65C-63C25	139.000
SMB65C-63C32	139.000

SMB65C-63C40	179.000
SMB65C-63C50	183.000
SMB65C-63C63	183.000



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 2P

MCB 6000A 2P

SMB65C-63C16/2	320.000
SMB65C-63C20/2	320.000
SMB65C-63C25/2	320.000

SMB65C-63C32/2	320.000
SMB65C-63C40/2	361.000
SMB65C-63C50/2	446.000

SMB65C-63C63/2	446.000
SMB65C-100C80/2	1.085.000
SMB65C-100C100/2	1.144.000



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 3P

MCB 6000A 3P

SMB65C-63C16/3	483.000
SMB65C-63C20/3	483.000
SMB65C-63C25/3	483.000

SMB65C-63C32/3	483.000
SMB65C-63C40/3	537.000
SMB65C-63C50/3	629.000

SMB65C-63C63/3	629.000
SMB65C-100C80/3	1.592.000
SMB65C-100C100/3	1.623.000



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 4P

MCB 6000A 4P

SMB65C-63C16/4	706.000
SMB65C-63C20/4	706.000
SMB65C-63C25/4	706.000

SMB65C-63C32/4	706.000
SMB65C-63C40/4	737.000
SMB65C-63C50/4	875.000

SMB65C-63C63/4	875.000
SMB65C-100C80/4	2.295.000
SMB65C-100C100/4	2.409.000



APTOMAT CHỐNG GIẬT 30mA 6000A 1P+N
RCBO 30mA 6000A 1P+N

SMB65CL-40C10	923.000
SMB65CL-40C16	923.000

SMB65CL-40C20	923.000
SMB65CL-40C25	923.000

SMB65CL-40C32	923.000
SMB65CL-40C40	1.024.000



APTOMAT CHỐNG GIẬT 30mA 6000A 2P
RCBO 30mA 6000A 2P

SMB65CL-63C10/2	1.016.000
SMB65CL-63C16/2	1.016.000

SMB65CL-63C20/2	1.016.000
SMB65CL-63C25/2	1.046.000
SMB65CL-63C32/2	1.046.000

SMB65CL-63C40/2	1.275.000
SMB65CL-63C50/2	1.342.000
SMB65CL-63C63/2	1.342.000



APTOMAT CHỐNG GIẬT 30mA 6000A 4P
RCBO 30mA 6000A 4P

SMB65CL-63C63/4	2.263.000
-----------------	------------------

ĐỀ ÂM Flush Mounting Boxes



ĐỀ ÂM VUÔNG ĐƠN LOẠI 86
Multi Gang: All Simon family, except 76 type (i7/ V8)
KT: 89.5 x 80.5 x 50 mm / 60 mm

SED1A086C 28.000



ĐỀ ÂM VUÔNG ĐƠN LOẠI 76
Multi Gang: i7/ V8 (76 Type)
KT: 78 x 80 x 50 mm / 60 mm

SED1A076 28.000



ĐỀ ÂM CHỮ NHẬT
118 Flush Mounting Box
KT: 99.5 x 65 x 47.5 mm / 83.5 mm

SED1A118 28.000



ĐỀ SẮT CHO Ổ ÂM SÀN
Pop-up Floor Socket Mounting Box
KT: 100 x 100 x 50 mm / 84 mm

SED9A100 135.000

BỘ CHUÔNG CỬA VỚI 2 ÂM THANH

Doorbell With Two Kinds of Sound



45002 542.000

45002 -73 -74 597.000

HỘP CHỐNG THẨM Waterproof Cover



HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC VUÔNG CHO CÔNG TẮC (NHỰA MỜ)
Switch Waterproof Cover (V8 86 type cannot fit)

S154 105.000



HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC VUÔNG CHO Ổ CẮM (NHỰA MỜ)
Socket Waterproof Cover (V8 86 type cannot fit)

S155 102.000



HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC VUÔNG CHO CÔNG TẮC (TRONG SUỐT)
Switch Waterproof Transparent Cover
(V8 86 type cannot fit)

S254 185.000



HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC VUÔNG CHO Ổ CẮM (TRONG SUỐT)
Socket Waterproof Transparent Cover
(V8 86 type cannot fit)

S255 180.000



- CÓ KHẢ NĂNG CHỐNG BỤI HOÀN TOÀN
- BẢO VỆ TRƯỚC SỰ XÂM NHẬP CỦA NƯỚC



MẶT CHE NƯỚC IP55 VUÔNG CHO Ổ CẮM
IP55 Socket Waterproof Cover

S258 191.000



HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC CHỮ NHẬT (LOẠI NGANG)
Waterproof Cover (Horizontal) (No hole for plug wires)

52154 113.000



HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC CHỮ NHẬT CHO Ổ CẮM (LOẠI DỌC)
Waterproof Cover (Vertical) (No hole for plug wires)

52155 113.000

Ổ CẮM ÂM SÀN Floor Sockets



2 Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG 10A
Floor Socket Twin Multi-standard

SEF3770  **1.672.000**
SEF5770  **1.672.000**



2 Ổ CẮM 3 CHẤU THƯỜNG 16A
Floor Socket Twin EU-US Socket

SEF3600  **1.646.000**
SEF5600  **1.646.000**



BỘ Ổ ĐIỆN THOẠI + TIVI
Floor Socket With Telephone + Tivi

SEF34P5  **1.634.000**
SEF54P5  **1.634.000**



BỘ Ổ ĐIỆN THOẠI + Ổ MẠNG (CAT6)
Floor Socket With Telephone + Data (Cat6)

SEF34P8  **1.658.000**
SEF54P8  **1.658.000**



BỘ Ổ MẠNG (CAT6) + Ổ TIVI
Floor Socket With Data (Cat6) + Tivi

SEF38P5  **1.627.000**
SEF58P5  **1.627.000**



BỘ 2 Ổ ĐIỆN THOẠI + Ổ TIVI
Floor Socket With Dual Telephone + Tivi

SEF3445  **1.615.000**
SEF5445  **1.615.000**



Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG + Ổ 2 CHẤU 10A/16A
Floor Socket With Multi-Standard + Two Pin

SEF3701  **1.610.000**
SEF5701  **1.610.000**



Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG + Ổ MẠNG 10A
Floor Socket With Multi-Standard + Data

SEF3708  **1.634.000**
SEF5708  **1.634.000**



Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG + Ổ ĐIỆN THOẠI 10A
Floor Socket With Multi-Standard + Telephone

SEF3704  **1.636.000**
SEF5704  **1.636.000**



Ổ MẠNG + ĐIỆN THOẠI + TIVI
Floor Socket With Data + Tivi + Telephone

SEF3845  **1.653.000**
SEF5845  **1.653.000**



Ổ ĐƠN 2 CHẤU + CỔNG USB ĐÔI 16A
Floor Socket With Two Pin Socket + Double USB

SEF31U0  **1.681.000**
SEF51U0  **1.681.000**



BỘ 2 Ổ MẠNG (CAT6)
Floor Socket With Dual Data (Cat6)

SEF38P8  **1.653.000**
SEF58P8  **1.653.000**



QUẠT THÔNG GIÓ

SEQ16-20W



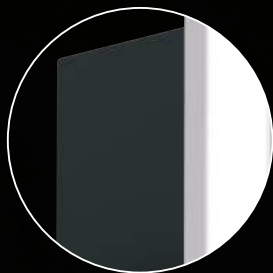
ÁP SUẤT ĐẨY MẠNH
TĂNG HIỆU QUẢ HÚT
VÀ THOÁT KHÍ



LƯU LƯỢNG GIÓ LỚN
LÀM SẠCH NHANH
KHÔNG KHÍ



HOẠT ĐỘNG ÊM ÁI,
TIẾNG ỒN <39dB



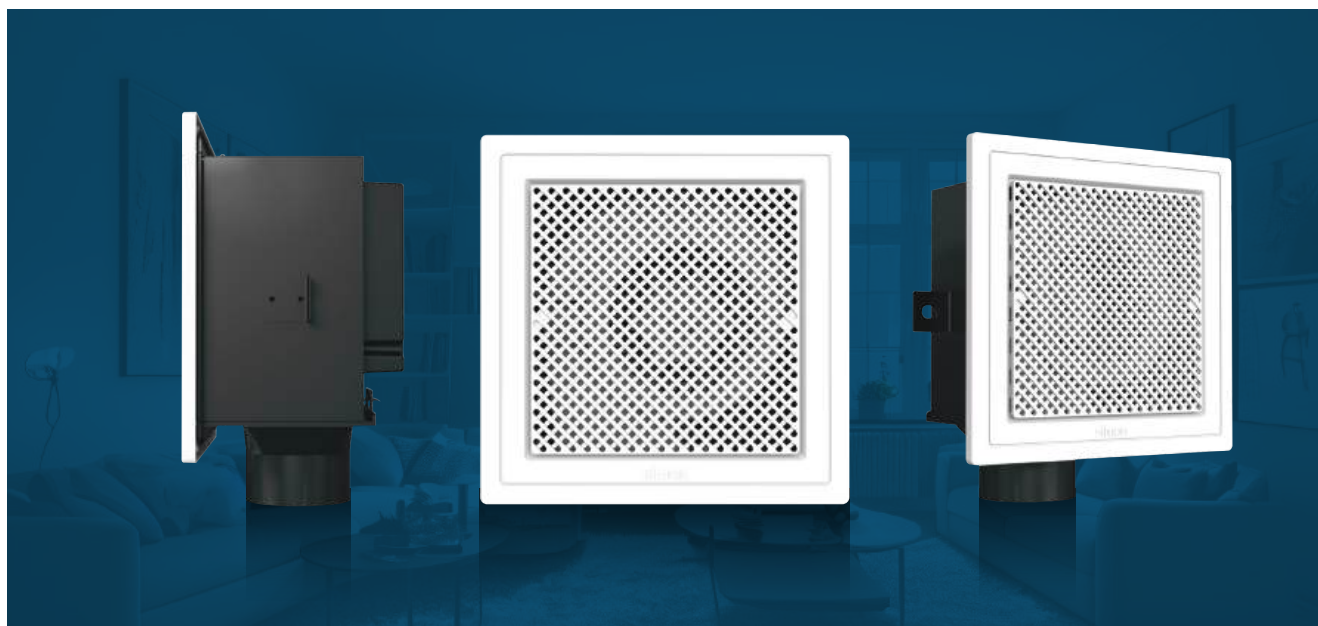
Thân thép sơn tĩnh điện,
giúp chống hao mòn cao



Cánh quạt ly tâm, vận hành êm ái,
tạo không gian sống yên tĩnh



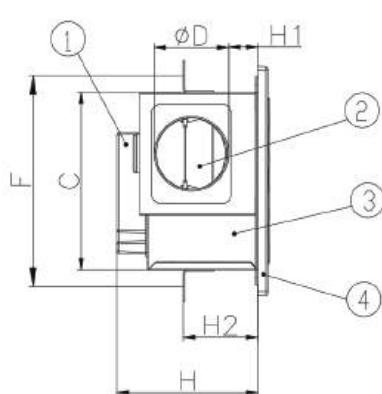
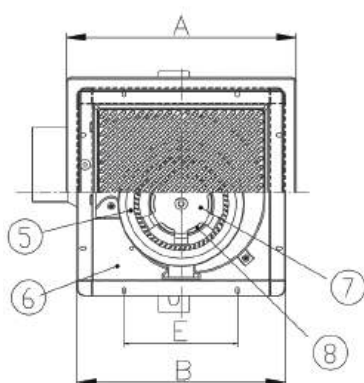
Mặt viền nhựa ABS
bền bỉ và mạnh mẽ



QUẠT THÔNG GIÓ ÂM TRẦN LY TÂM Centrifugal Ceiling Fan

MÃ SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	ĐIỆN ÁP/ TẦN SỐ ĐỊNH MỨC	CÔNG SUẤT (W)	HỆ SỐ PF	LƯU LƯỢNG GIÓ (m³/h)	TỐC ĐỘ (RPM)	ÁP SUẤT ĐÁY (Pa)	ĐỘ ỒN (dB)
SEQ16W/CF	3.399.000	220V-240V/50Hz	16	0.9	190	820	105	36
SEQ20W/CF	4.004.000	220V-240V/50Hz	20	0.9	220	920	110	40

KÍCH THƯỚC BỀ NGOÀI LẮP ĐẶT



CHÚ THÍCH

- Hộp đựng động cơ, dây điện
- Ống dẫn phụ
- Thân quạt
- Nắp quạt
- Ống dẫn hướng gió
- Tâm đế
- Cánh quạt
- Động cơ

KÍCH THƯỚC LẮP ĐẶT QUẠT THÔNG GIÓ ÂM TRẦN LY TÂM (mm)

A	B	C	D	E	F	H	H1	H2	KÍCH THƯỚC LỖ KHOÉT (mm)
298	270	230	100	140	275	185	35	93	240x240



Simon là tập đoàn công nghiệp với LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN HƠN 100 NĂM

Simon là tập đoàn công nghiệp chuyên về các giải pháp công nghệ chiếu sáng, điều khiển ánh sáng, thiết bị kết nối và thiết bị điện, được thành lập vào năm 1916, có trụ sở chính tại thành phố Barcelona, Tây Ban Nha.

Trải qua hơn 100 năm hình thành và phát triển, hiện Simon đã có mặt tại hơn 90 Quốc gia với 15 nhà máy sản xuất và trụ sở tại 16 Quốc gia trên thế giới

CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN SIMON VIỆT NAM

Nhà Máy: Lô CN06, KCN Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ,
Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên



0968 111 900

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

ĐC: Tầng 5, Tòa nhà C Plus Office, Tổ 28, Thành Thái,
P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

VĂN PHÒNG ĐÀ NẴNG

ĐC: 40 Hoàng Văn Thái, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng

VĂN PHÒNG HỒ CHÍ MINH

ĐC: Tầng 4, Tòa nhà Y12 Hồng Lĩnh, Phường 15,
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh